

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ DỊCH VỤ ĐÔ THỊ
VĨNH YÊN**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2017

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không; và
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÁC CAM KẾT KHÁC

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và quy định về quản trị Công ty tại Thông tư 121/2012/TT-BTC ngày 26/07/2012 của Bộ Tài chính về việc quy định quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng, kể từ ngày 01/08/2017 Công ty áp dụng Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng và Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/09/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định 71/2017/NĐ-CP.



Ngô Văn Hùng
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Vĩnh phúc, ngày 21 tháng 03 năm 2018

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

*Về Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Môi trường và Dịch vụ đô thị Vĩnh Yên
cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2017*

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Môi trường và Dịch vụ đô thị Vĩnh Yên**

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Môi trường và Dịch vụ đô thị Vĩnh Yên (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 21/03/2018, từ trang 6 đến trang 32 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2017 cùng với Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập, trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty.

Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Môi trường và Dịch vụ đô thị Vĩnh Yên tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Nguyễn Minh Long
Phó Tổng Giám đốc
Giấy ĐKHN Kiểm toán số 0666-2018-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY
Hà Nội, ngày 21 tháng 03 năm 2018

Mai Việt Hùng
Kiểm toán viên
Giấy ĐKHN Kiểm toán số 2334-2018-112-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
			VND	VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		81.759.114.762	80.871.197.382
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	22.371.431.331	27.063.592.476
Tiền	111		22.371.431.331	27.063.592.476
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		56.122.816.573	51.074.843.556
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	41.431.800.057	40.146.106.150
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		7.065.656.264	5.439.805.479
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		117.766.537	205.441.622
Phải thu ngắn hạn khác	136	7	9.814.099.387	5.939.056.922
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	6	(2.306.505.672)	(655.566.617)
Hàng tồn kho	140		1.123.013.987	2.355.663.349
Hàng tồn kho	141	8	1.123.013.987	2.355.663.349
Tài sản ngắn hạn khác	150		2.141.852.871	377.098.001
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5	2.141.852.871	217.671.193
Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	150.940.000
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	10	-	8.486.808
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		150.266.548.854	73.023.880.115
Các khoản phải thu dài hạn	210		20.000.000.000	600.000.000
Phải thu dài hạn khác	216	7	20.000.000.000	600.000.000
Tài sản cố định	220		116.593.698.248	63.140.751.586
Tài sản cố định hữu hình	221	11	116.593.698.248	63.140.751.586
- Nguyên giá	222		185.325.632.296	136.914.117.759
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(68.731.934.048)	(73.773.366.173)
Tài sản dở dang dài hạn	240		13.221.725.144	8.747.739.328
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	241		-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	9	13.221.725.144	8.747.739.328
Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
Tài sản dài hạn khác	260		451.125.462	535.389.201
Chi phí trả trước dài hạn	261	5	451.125.462	535.389.201
TỔNG TÀI SẢN	270		232.025.663.616	153.895.077.497

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

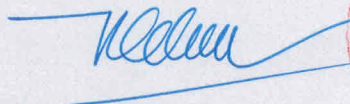
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		93.297.490.896	52.578.528.261
Nợ ngắn hạn	310		57.583.490.896	52.578.528.261
Phải trả người bán ngắn hạn	311	12	14.602.340.605	8.137.940.905
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		290.114.001	150.262.345
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	10	3.880.764.051	1.830.660.091
Phải trả người lao động	314		10.606.375.488	5.913.346.253
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	13	4.152.257.189	4.605.999.983
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		240.000.000	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	14	1.744.135.975	30.333.011.298
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	15	11.474.972.965	1.303.839.893
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		9.623.043.129	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		969.487.493	303.467.493
Nợ dài hạn	330		35.714.000.000	-
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	15	35.714.000.000	-
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		138.728.172.720	101.316.549.236
Vốn chủ sở hữu	410	16	68.829.873.419	43.266.588.554
Vốn góp của chủ sở hữu	411		59.699.460.000	39.699.460.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		59.699.460.000	39.699.460.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		2.000.000.000	-
Quỹ đầu tư phát triển	418		2.010.975.808	10.975.808
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		655.566.617	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		4.463.870.994	3.556.152.746
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		200.586.128	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		4.263.284.866	3.556.152.746
Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	17	69.898.299.301	58.049.960.682
Nguồn kinh phí	431		4.201.331.261	4.201.331.261
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		65.696.968.040	53.848.629.421
TỔNG NGUỒN VỐN	440		232.025.663.616	153.895.077.497

Người lập biểu



Đào Phương Liễu

Kế toán trưởng



Ngô Văn Thúc

Vinh phúc, ngày 21 tháng 03 năm 2018

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Ngô Văn Hùng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	18	149.654.960.000	89.204.851.886
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	19	7.266.955	541.298.909
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		149.647.693.045	88.663.552.977
Giá vốn hàng bán	11	20	128.343.249.114	75.461.214.811
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		21.304.443.931	13.202.338.166
Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	24.766.437	92.926.895
Chi phí tài chính	22	22	3.305.636.471	-
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>3.305.636.471</i>	-
Chi phí bán hàng	25	23	9.600.000	38.550.000
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	23	11.026.336.079	9.193.062.140
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		6.987.637.818	4.063.652.921
Thu nhập khác	31	24	1.828.796.507	720.974.435
Chi phí khác	32	25	2.047.291.428	173.619.770
Lợi nhuận khác	40		(218.494.921)	547.354.665
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		6.769.142.897	4.611.007.586
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	26	2.505.858.033	1.054.854.841
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		4.263.284.864	3.556.152.745
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	27	1.020	896
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	28	1.020	896

Vĩnh phúc, ngày 21 tháng 03 năm 2018

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Đào Phương Liễu



Ngô Văn Thức



Ngô Văn Hùng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
			VND	VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1		157.397.217.807	94.720.789.601
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	2		(59.860.844.079)	(63.889.457.804)
Tiền chi trả cho người lao động	3		(50.626.686.520)	(40.133.584.366)
Tiền lãi vay đã trả	4		(2.870.766.748)	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp đã nộp	5		(2.505.858.033)	(564.343.541)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6		6.913.100.131	36.783.121.175
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7		(72.127.281.575)	(7.400.970.385)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(23.681.119.017)	19.515.554.680
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(48.411.514.537)	(1.952.500.000)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	58.030.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		24.766.437	92.926.895
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(48.386.748.100)	(1.801.543.105)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		22.000.000.000	-
Tiền thu từ đi vay	33		72.799.472.415	1.303.839.893
Tiền trả nợ gốc vay	34		(26.914.339.343)	
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(509.427.100)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		67.375.705.972	1.303.839.893
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(4.692.161.145)	19.017.851.468
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4	27.063.592.476	8.045.741.008
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	4	22.371.431.331	27.063.592.476

Người lập biểu



Đào Phương Liễu

Kế toán trưởng



Ngô Văn Thúc

Vĩnh phúc, ngày 21 tháng 03 năm 2018

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Ngô Văn Hùng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Môi trường và Dịch vụ đô thị Vĩnh Yên là doanh nghiệp được thành lập dưới hình thức chuyển từ Doanh nghiệp nhà nước thành Công ty cổ phần theo Quyết định số 630/QĐ-CT ngày 10 tháng 03 năm 2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa và chuyển Công ty Môi trường và Dịch vụ đô thị Vĩnh Yên thành Công ty cổ phần. Ngày 09 tháng 05 năm 2003 Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu, thay đổi lần thứ 7 ngày 18 tháng 12 năm 2017, mã số doanh nghiệp số 2500155809.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 379, đường Mê Linh, phường Khai Quang, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty là 59.699.460.000 đồng.

(Bằng chữ: Năm mươi chín tỷ, sáu trăm chín mươi chín triệu, bốn trăm sáu mươi nghìn đồng./.)

1.2 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CHÍNH

Ngành nghề kinh doanh theo đăng ký của Công ty bao gồm:

- Thu gom rác thải không độc hại. Chi tiết: thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải không độc hại: đô thị, công nghiệp;
- Thu gom rác thải độc hại. Chi tiết: thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải độc hại: đô thị, công nghiệp;
- Thoát nước và xử lý nước thải. Chi tiết: xử lý môi trường làng nghề;
- Hoạt động dịch vụ phục vụ lễ tang. Chi tiết: Quản lý nghĩa trang liệt sỹ, nghĩa trang quân nhân, dịch vụ tang lễ;
- Xây dựng công trình công ích. Chi tiết: Quản lý, duy tu, xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật đô thị;
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận chuyển vận tải bằng xe buýt); Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống cấp thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Phá dỡ;
- Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan. Chi tiết: Quản lý, vận hành hệ thống: thoát nước, công viên cây xanh, chiếu sáng công cộng, trang trí đô thị, tín hiệu giao thông
- Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa phân vào đâu. Chi tiết: Dịch vụ vui chơi, giải trí công viên;
- Hoạt động làm thuê công việc gia đình trong các hộ gia đình (không bao gồm cho thuê lại lao động);
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác.
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Vệ sinh chung nhà cửa;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)

1.2 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CHÍNH (TIẾP)

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty trong năm là:

Thu gom vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt, đảm bảo vệ sinh môi trường; Quản lý vận hành hệ thống thoát nước đô thị; Quản lý vận hành hệ thống điện chiếu sáng, điện trang trí, đèn tín hiệu giao thông công cộng; Quản lý duy trì công viên, vườn hoa, cây xanh thảm cỏ đường phố, đảo giao thông; Quản lý nghĩa trang nhân dân làm dịch vụ tang lễ; Xây dựng, sửa chữa vừa và nhỏ các công trình hạ tầng đô thị như: vỉa hè, thoát nước, đường nội thị, điện chiếu sáng, vườn hoa, cây xanh, thảm cỏ; Thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải công nghiệp, rác thải độc hại.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO VÀ NĂM TÀI CHÍNH

2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam (Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi thông tư 200) và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2.2 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch.

Báo cáo tài chính này được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

3.1 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.2 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền mặt xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.3 CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản phải thu gồm: các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo.

Các khoản phải thu được trình bày theo giá gốc và dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi được Công ty trích lập đối với các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được, việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên; hoặc đối với các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và được hoàn nhập khi thu hồi được nợ. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

3.4 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm các khoản chi phí để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại, bao gồm: giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng, hao hụt định mức, và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (nếu có) của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

3.5 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị còn lại của những công cụ, dụng cụ không đủ tiêu chuẩn là tài sản cố định được đánh giá là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai với thời gian sử dụng trên một năm. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời không quá 2 năm. Các chi phí đã chi trước cho hoạt động kinh doanh nhưng liên quan đến việc tạo ra doanh thu của nhiều năm tại chính Công ty ghi nhận là các khoản chi phí trả trước và tiến hành phân bổ tương ứng với số năm khai thác được doanh thu.

3.6 NỢ PHẢI TRẢ

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm:

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hoá, dịch vụ
- Phải trả khác bao gồm các khoản phải trả không mang tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán hàng hoá, dịch vụ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.7 GHI NHẬN DOANH THU

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi các rủi ro, lợi ích và quyền sở hữu hàng hóa được chuyển sang người mua; Công ty có thể thu được lợi ích kinh tế đồng thời có thể xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận dựa trên thông báo hàng kỳ của ngân hàng, lãi cho vay được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

3.8 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

3.9 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng Tập đoàn, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp Báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó. Theo đó, các bên liên quan của Công ty là bao gồm các cổ đông góp vốn, các thành viên trong Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty. Tất cả các giao dịch và số dư với các bên liên quan phát sinh trong năm 2017 được Công ty trình bày tại thuyết minh số 31.2.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.10 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản đầu tư, phải thu khách hàng, phải thu khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tiền mặt	1.558.506.200	5.603.675
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	20.812.925.131	27.057.988.801
	22.371.431.331	27.063.592.476

5. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Ngắn hạn	2.141.852.871	217.671.193
- Chi phí bảo hiểm	242.334.875	-
- Công cụ, dụng cụ phân bổ	1.899.517.996	217.671.193
Dài hạn	451.125.462	535.389.201
- Công cụ, dụng cụ phân bổ	451.125.462	535.389.201
	2.592.978.333	753.060.394

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ DỊCH VỤ ĐỒ THỊ VINH YÊN
Số 379, Đường Mê Linh, Phường Khai Quang, TP. Vinh Yên
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	41.431.800.057	(2.306.505.672)	40.146.106.150	(655.566.617)
- Phòng Quản lý đô thị Thành phố Vinh Yên	14.779.321.652	-	22.639.236.000	-
- Ban quản lý Dự án quận Cầu Giấy	14.853.570.630	-	-	-
- Phòng Kinh tế và Hạ tầng Huyện Bình Xuyên	508.610.867	-	2.282.046.000	-
- Ban quản lý dự án xây dựng và GPMB Tam Đảo	3.979.824.000	-	2.648.947.000	-
- Ban quản lý dự án huyện Tam Dương	-	-	1.657.512.444	-
- BQL điện chiếu sáng công cộng ngõ xóm Tp Vinh Yên GD 4	-	-	844.818.000	-
- Ban quản lý cây xanh Thành phố Vinh Yên	378.926.000	-	378.926.000	-
- Các đối tượng khác	6.931.546.908	(2.306.505.672)	9.694.620.706	(655.566.617)
Phải thu của khách hàng dài hạn	-	-	-	-
	41.431.800.057	(2.306.505.672)	40.146.106.150	(655.566.617)

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ DỊCH VỤ ĐỒ THỊ VĨNH YÊN
Số 379, Đường Mê Linh, Phường Khai Quang, TP. Vĩnh Yên
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

7. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	9.814.099.387	-	5.939.056.922	-
- Tạm ứng cho nhân viên	8.948.938.431	-	5.170.855.350	-
- Ký cược, ký quỹ	32.456.000	-	141.456.000	-
- Phải thu khác	832.704.956	-	626.745.572	-
Dài hạn	20.000.000.000	-	600.000.000	-
- Phải thu khối lượng bãi chôn lấp rác theo thẩm tra Sở Tài chính	-	-	600.000.000	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Cơ điện Việt Nam (*)	20.000.000.000	-	-	-
	29.814.099.387	-	6.539.056.922	-

(*) Khoản phải thu theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01.11/2017/HĐHTKD/MVY-AIT ngày 01/11/2017, theo đó hai bên cùng hợp tác kinh doanh trong lĩnh vực Đầu tư Bất động sản, Đầu tư xây dựng, Thuê và cho thuê văn phòng, ki ốt, nhà kho, kho bãi... cùng nhau góp vốn theo tỷ lệ 50%-50% trong đó Công ty Cổ phần Đầu tư Cơ điện Việt Nam là đầu mối quản lý tài chính, thời hạn đầu tư là 03 năm kể từ ngày 01/11/2017 đến hết ngày 31/10/2020.

8. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	251.569.927	-	165.896.900	-
Công cụ, dụng cụ	272.741.012	-	130.538.892	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	598.703.048	-	763.202.508	-
Hàng hóa	-	-	1.296.025.049	-
	1.123.013.987	-	2.355.663.349	-

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ DỊCH VỤ ĐỒ THỊ VINH YÊN
Số 379, Đường Mê Linh, Phường Khai Quang, TP. Vinh Yên
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

9. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá đánh giá lại VND	Giá gốc VND	Giá đánh giá lại VND	Giá gốc VND
Xây dựng cơ bản dở dang	13.221.725.144	13.221.725.144	8.747.739.328	8.747.739.328
- Sửa chữa lớn TSCĐ	4.628.579.667	4.628.579.667	154.593.851	154.593.851
- Chi phí đầu tư xây dựng	8.593.145.477	8.593.145.477	8.593.145.477	8.593.145.477
	13.221.725.144	13.221.725.144	8.747.739.328	8.747.739.328

10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2017 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	31/12/2017 VND
Thuế và các khoản phải nộp				
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	741.687.143	10.889.781.330	10.057.766.815	1.573.701.658
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.054.854.840	2.505.858.034	1.333.623.410	2.227.089.463
- Thuế thu nhập cá nhân	34.118.108	168.798.011	125.188.131	77.727.988
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	569.287.606	569.287.606	-
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	(8.486.808)	698.609.178	687.877.428	2.244.942
	1.822.173.283	14.832.334.159	12.773.743.390	3.880.764.051

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ DỊCH VỤ ĐỒ THỊ VINH YÊN
Số 379, Đường Mê Linh, Phường Khai Quang, TP. Vinh Yên
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

11. TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Tài sản công cộng được giao quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
01/01/2017	13.245.781.674	143.900.000	26.948.378.976	96.576.057.109	136.914.117.759
- Mua trong năm	-	37.500.000	48.374.014.537	-	48.411.514.537
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
31/12//2017	13.245.781.674	181.400.000	75.322.393.513	96.576.057.109	185.325.632.296
HAO MÒN LŨY KẾ					
01/01/2017	(7.986.265.896)	(143.900.000)	(22.915.772.589)	(42.727.427.688)	(73.773.366.173)
- Khấu hao trong năm	(657.297.456)	(2.956.990)	(6.146.652.048)	-	(6.806.906.494)
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Điều chỉnh khác (*)	-	-	-	11.848.338.619	11.848.338.619
31/12//2017	(8.643.563.352)	(146.856.990)	(29.062.424.637)	(30.879.089.069)	(68.731.934.048)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
01/01/2017	5.259.515.778	-	4.032.606.387	53.848.629.421	63.140.751.586
31/12//2017	4.602.218.322	34.543.010	46.259.968.876	65.696.968.040	116.593.698.248

Tại ngày 31/12/2017:

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là: 17.518.645.761 đồng.
- Giá trị còn lại của TSCĐ dùng để cầm cố thế chấp cho các khoản vay là: 42.597.279.585 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ DỊCH VỤ ĐÓ THỊ VINH YÊN
Số 379, Đường Mê Linh, Phường Khai Quang, TP. Vinh Yên
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Ngắn hạn	14.602.340.605	14.602.340.605	8.137.940.905	8.137.940.905
- Bà Nguyễn Thị Tâm	1.044.000.000	1.044.000.000	1.044.000.000	1.044.000.000
- Ông Lê Đình Chi	80.000.000	80.000.000	80.000.000	80.000.000
- Ông Hoàng Minh Tuấn	20.000.000	20.000.000	204.202.000	204.202.000
- Công ty Cổ phần Vật tư Thương mại Vinh Phúc	13.001	13.001	775.620.750	775.620.750
- Công ty TNHH Môi trường xanh Trường Giang	1.320.600.810	1.320.600.810	2.003.866.700	2.003.866.700
- Công ty TNHH MTV Quảng cáo và Thương mại Hoàng Anh	150.000.000	150.000.000	1.590.340.000	1.590.340.000
- Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Việt Phương	153.117.000	153.117.000	153.117.000	153.117.000
- Công ty CP xăng dầu Thụy Dương	1.741.078.100	1.741.078.100	-	-
- Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Ô tô Long Biên	871.000.000	871.000.000	-	-
- Điện lực Thành phố Vinh Yên	776.823.162	776.823.162	-	-
- Các đối tượng khác	8.445.708.532	8.445.708.532	2.286.794.455	2.286.794.455
Dài hạn	-	-	-	-
	14.602.340.605	14.602.340.605	8.137.940.905	8.137.940.905

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

13. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Ngắn hạn	4.152.257.189	4.605.999.983
- Chi phí trả trước các công trình	4.073.199.983	4.605.999.983
- Chi phí lãi vay	79.057.206	-
Dài hạn	-	-
	4.152.257.189	4.605.999.983

14. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Ngắn hạn	1.744.135.975	30.333.011.298
- Kinh phí công đoàn	901.101.437	289.404.305
- Bảo hiểm xã hội	685.688.850	1.250.469.254
- Phải trả về cổ phần hóa	-	25.297.651.700
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	20.000.000	20.000.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	137.345.688	3.475.486.039
+ <i>Phải trả về thu phí vệ sinh môi trường</i>	-	-
+ <i>Phải trả cổ tức năm 2015</i>	45.158.488	1.389.481.450
+ <i>Tiền đền bù công trình rừng Lim</i>	-	261.985.000
+ <i>Kinh phí Ban QLDA xây dựng</i>	35.200	35.200
+ <i>Tiền đền bù giải phóng mặt bằng công trình vườn hoa Nghĩa trang thành phố</i>	-	183.289.000
+ <i>Khoản phải trả phải nộp khác</i>	92.152.000	1.640.695.389
Dài hạn	-	-
	1.744.135.975	30.333.011.298

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ DỊCH VỤ ĐÔ THỊ VINH YÊN
Số 379, Đường Mê Linh, Phường Khai Quang, TP. Vinh Yên
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2017

15. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

Nội dung	31/12/2017		Trong năm		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	Vay ngắn hạn	11.474.972.965	11.474.972.965	33.055.472.415	22.884.339.343	1.303.839.893
- Ông Ngô Văn Thức	800.000.000	800.000.000	882.000.000	82.000.000	-	-
- Trịnh Thị Minh Tâm	-	-	14.639.394.000	14.639.394.000	-	-
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam (1)	10.674.972.965	10.674.972.965	17.534.078.415	8.162.945.343	1.303.839.893	1.303.839.893
Vay dài hạn	35.714.000.000	35.714.000.000	39.744.000.000	4.030.000.000	-	-
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam (2)	35.714.000.000	35.714.000.000	39.744.000.000	4.030.000.000	-	-
	47.188.972.965	47.188.972.965	72.799.472.415	26.914.339.343	1.303.839.893	1.303.839.893

- (1) Khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 01/2017/5982056/HĐTD ký ngày 06/11/2017.
Hạn mức tín dụng 60.000.000.000 đồng; Thời gian cấp hạn mức tín dụng đến ngày 15/8/2018.
Mục đích vay là bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C phục vụ hoạt động kinh doanh,
Lãi suất được quy định cụ thể trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể.
Thời gian trả gốc và lãi xác định theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể, Hợp đồng cấp bảo lãnh, L/C được phát hành
Biện pháp đảm bảo: Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2016/5982056/HĐBĐ, số 01/2017/5982056/HĐBĐ, số 09/2017/5982056/HĐBĐ, số 04/2017/5982056/HĐBĐ, số 02/2017/5982056/HĐBĐ và các hợp đồng thế chấp, cầm cố tài sản khác đã được ký kết trong tương lai giữa Bên Vay/Bên thứ 3 và Ngân hàng.
- (2) Khoản vay theo các Hợp đồng tín dụng số 01/2017/5982056/HĐTD ký ngày 23/01/2017, hợp đồng số 02/2017/5982056/HĐTD ký ngày 21/2/2017, hợp đồng tín dụng số 03/2017/5982056/HĐTD ký ngày 20/03/2017 và hợp đồng tín dụng số 04/2017/5982056/HĐTD ký ngày 19/12/2017. Tổng số tiền vay 41.079.000.000 đồng, Thời gian cho vay 60 tháng và 84 tháng. Mục đích vay mua xe ô tô, tài sản có định phục vụ sản xuất, kinh doanh. Lãi suất 10,5%/ năm. Thời gian trả gốc và lãi được quy định theo lịch trả nợ trên từng hợp đồng tín dụng.
Biện pháp đảm bảo: Là các tài sản theo hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2017/5982056/HĐBĐ, số 02/2017/5982056/HĐBĐ, số 03/2017/5982056/HĐBĐ, số 04/2017/5982056/HĐTD và các hợp đồng cầm cố tài sản hình thành từ vốn vay, các tài sản đang thế chấp khác giữa Ngân hàng và bên Vay/Bên thứ 3.

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ DỊCH VỤ
ĐÔ THỊ VINH YÊN**

Số 379, Đường Mê Linh, Phường Khai Quang, TP. Vĩnh Yên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2017

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

16.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc VCSH	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
01/01/2016	39.699.460.000		10.975.808		953.747.914	40.664.183.722
- Lãi trong năm trước	-		-		3.556.152.745	3.556.152.745
- Trích lập các quỹ	-		-	-	(953.747.914)	(953.747.914)
31/12/2016	39.699.460.000		10.975.808		3.556.152.746	43.266.588.554
01/01/2017	39.699.460.000		10.975.808		3.556.152.746	43.266.588.554
- Tăng vốn trong năm nay	20.000.000.000	2.000.000.000	-	-	-	22.000.000.000
- Lãi trong năm	-		-	-	4.263.284.864	4.263.284.864
- Phân phối lợi nhuận năm 2016	-		2.000.000.000	655.566.617	(3.355.566.617)	(699.999.999)
- <i>Quỹ Đầu tư phát triển</i>	-		2.000.000.000		(2.000.000.000)	-
- <i>Quỹ khen thưởng phúc lợi</i>	-		-		(700.000.000)	(700.000.000)
- <i>Trích lập quỹ khác</i>	-		-	655.566.617	(655.566.617)	-
31/12/2017	59.699.460.000	2.000.000.000	2.010.975.808	655.566.617	4.463.870.994	68.829.873.419

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

16.2 CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Vĩnh Phúc	13.894.810.000	13.894.810.000
Ông Ngô Văn Hùng	22.032.650.000	22.032.650.000
Công ty CP Đầu tư xây lắp và Thương mại Tân Việt	20.000.000.000	-
Cổ đông khác	3.772.000.000	3.772.000.000
	59.699.460.000	39.699.460.000

16.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	59.699.460.000	39.699.460.000
+ Vốn góp đầu năm	39.699.460.000	39.699.460.000
+ Vốn góp tăng trong năm	20.000.000.000	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	59.699.460.000	39.699.460.000

16.4 CỔ PHIẾU

	31/12/2017	01/01/2017
	CP	CP
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.969.945	3.969.945
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.969.945	3.969.945
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	5.969.945	3.969.945
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.969.945	3.969.945
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	5.969.945	3.969.945
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
<i>Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)</i>	10.000	10.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

17. NGUỒN KINH PHÍ VÀ QUỸ KHÁC

Khoản mục	Nguồn kinh phí	Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	Tổng cộng
	VND	VND	VND
01/01/2017	4.201.331.261	53.848.629.421	58.049.960.682
Tăng trong năm (*)	-	11.848.338.619	11.848.338.619
31/12/2017	<u>4.201.331.261</u>	<u>65.696.968.040</u>	<u>69.898.299.301</u>

(*) Điều chỉnh lại khấu hao năm 2016 đã ghi giảm nguồn theo thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

18. DOANH THU BÁN HÀNG HÓA VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
- Doanh thu bán hàng hóa	7.884.100.805	13.310.710.819
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	141.770.859.195	75.894.141.067
	<u>149.654.960.000</u>	<u>89.204.851.886</u>

19. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
- Điều chỉnh khối lượng hoàn thành các Dịch vụ công ích	7.266.955	541.298.909
	<u>7.266.955</u>	<u>541.298.909</u>

20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
- Giá vốn bán hàng hóa	210.588.434	-
- Giá vốn cung cấp dịch vụ	128.132.660.680	75.461.214.811
	<u>128.343.249.114</u>	<u>75.461.214.811</u>

21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	24.766.437	92.926.895
	<u>24.766.437</u>	<u>92.926.895</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
- Chi phí lãi vay	3.305.636.471	-
	3.305.636.471	-

23. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
a. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp	11.026.336.079	9.193.062.140
- Chi phí nhân viên quản lý	5.748.715.907	5.675.652.426
- Chi phí vật liệu quản lý	115.258.450	155.679.100
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	394.735.988	543.139.721
- Chi phí bằng tiền khác	2.995.254.038	2.163.024.276
- Dự phòng nợ phải thu khó đòi	1.772.371.696	655.566.617
b. Các khoản chi phí bán hàng	9.600.000	38.550.000
- Chi phí nhân viên	9.600.000	38.550.000

24. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Tiền đền bù GPMB	886.984.458	-
Các khoản khác	941.812.049	720.974.435
	1.828.796.507	720.974.435

25. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
- Các khoản bị phạt	1.410.185.773	326.429
- Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	173.293.341
- Chi khác	637.105.655	-
	2.047.291.428	173.619.770

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

26. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP HIỆN HÀNH

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	6.769.142.897	4.611.007.586
Các khoản chi phí không được khấu trừ	4.366.304.424	663.266.617
- Tiền lương và phụ cấp HĐQT		7.700.000
- Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	1.772.371.696	655.566.617
- Chi phí không hợp lý khác (ko đầy đủ hóa đơn chứng từ)	2.593.932.728	-
Tổng thu nhập chịu thuế trong kỳ	11.135.447.321	5.274.274.203
Thuế suất	20%	20%
Thuế TNDN phải trả ước tính	2.227.089.464	1.054.854.841
Chi phí thuế TNDN bị truy thuy theo Quyết định của cơ quan thuế	278.768.569	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	2.505.858.033	1.054.854.841

27. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2017	Năm 2016
Lãi phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	4.263.284.864	3.556.152.745
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ (CP)	4.178.164	3.969.945
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	1.020	896

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Lợi nhuận thuần trong năm	4.263.284.864	3.556.152.745
Số trích lập quỹ khen thưởng	-	-
Lãi phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	4.263.284.864	3.556.152.745

ii) Số cổ phiếu bình quân gia quyền đang lưu hành

	Năm 2017	Năm 2016
	CP	CP
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm	3.969.945	3.969.945
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành trong năm	2.000.000	-
Phát hành ngày 23/11/2017	2.000.000	-
Tổng số cổ phiếu bình quân gia quyền đang lưu hành tại thời điểm cuối năm	4.178.164	3.969.945

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

28. LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

Ban Lãnh đạo Công ty cam kết trong thời gian tiếp theo không có sự tác động của các công cụ có thể chuyển thành cổ phiếu và pha loãng giá trị cổ phiếu. Do đó Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng Lãi cơ bản trên cổ phiếu.

29. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu	7.328.964.802	17.586.943.845
Chi phí nhân công	65.015.502.277	31.105.293.787
Khấu hao tài sản cố định	6.806.906.494	14.916.219.976
Chi phí dịch vụ mua ngoài	31.874.293.964	15.569.345.679
Chi phí bằng tiền khác	17.949.929.374	5.515.023.664
	128.975.596.911	84.692.826.951

30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lí rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng công ty vừa có thể hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ đã trình bày tại Bảng cân đối kế toán, phần vốn thuộc sở hữu của cổ đông Công ty bao gồm vốn góp và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp kế toán mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu được trình bày tại Thuyết minh số 3.12.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các loại công cụ tài chính

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	22.371.431.331	27.063.592.476
Phải thu khách hàng và phải thu khác	31.245.899.444	46.085.163.072
	53.617.330.775	73.148.755.548

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	47.188.972.965	1.303.839.893
Phải trả người bán và phải trả khác	15.353.223.143	36.278.867.509
Chi phí phải trả	4.152.257.189	4.605.999.983
Công nợ tài chính khác	-	-
	66.694.453.297	42.188.707.385
Trạng thái ròng	(13.077.122.522)	30.960.048.163

Tại thời điểm 31/12/2017, Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 6/11/2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Công ty đã thực hiện đánh giá một cách thận trọng các rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh và cho rằng Công ty không có rủi ro trọng yếu nào liên quan đến rủi ro thị trường.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không, do đó, Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả và dòng tiền của các khoản gốc.

	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
31/12/2017			
Vay và nợ	11.474.972.965	35.714.000.000	47.188.972.965
Phải trả người bán và phải trả khác	15.353.223.143	-	15.353.223.143
Chi phí phải trả	4.152.257.189	-	4.152.257.189
Công nợ tài chính khác	-	-	-
	30.980.453.297	35.714.000.000	66.694.453.297
01/01/2017			
Vay và nợ	1.303.839.893	-	1.303.839.893
Phải trả người bán và phải trả khác	36.278.867.509	-	36.278.867.509
Chi phí phải trả	4.605.999.983	-	4.605.999.983
	42.188.707.385	-	42.188.707.385

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính chưa gồm lãi từ các tài sản đó. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
31/12/2017			
Tiền và các khoản tương đương tiền	22.371.431.331	-	22.371.431.331
Phải thu khách hàng và phải thu khác	31.245.899.444	-	31.245.899.444
	53.617.330.775	-	53.617.330.775
01/01/2017			
Tiền và các khoản tương đương tiền	27.063.592.476	-	27.063.592.476
Phải thu khách hàng và phải thu khác	46.085.163.072	-	46.085.163.072
	73.148.755.548	-	73.148.755.548

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ DỊCH VỤ ĐỒ THỊ VINH YÊN

Số 379, Đường Mê Linh, Phường Khai Quang, TP. Vinh Yên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***31. THÔNG TIN KHÁC****31.1 THÔNG TIN VỀ ĐẤT**

STT	Tên địa chỉ lô đất	Diện tích (m ²)	Hình thức sử dụng đất	Mục đích sử dụng đất	Thời hạn sử dụng đất	Hồ sơ pháp lý
1	Thửa đất số 170, tờ bản đồ số 29; Phường Khai Quang, thành phố Vinh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc	2.485,3	Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm	Đất cơ sở sản xuất, kinh doanh	10/03/2060	Giấy chứng nhận QSD đất số BI 680468 ngày 6/11/2013 do UBND tỉnh Vĩnh Phúc cấp
2	Thửa đất số 04, tờ bản đồ số 07; Phường Ngô Quyền, thành phố Vinh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc	215,6	Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm	Đất cơ sở sản xuất, kinh doanh	10/03/2060	Giấy chứng nhận QSD đất số BI 680471 ngày 6/11/2013 do UBND tỉnh Vĩnh Phúc cấp
3	Thửa đất số 599, tờ bản đồ số 53; Phường Khai Quang, thành phố Vinh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc	1.860,0	Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm	Đất thương mại, dịch vụ	10/03/2060	Giấy chứng nhận QSD đất số BS 912555 ngày 12/09/2014 do UBND tỉnh Vĩnh Phúc cấp
4	Thửa đất số 219, tờ bản đồ số 51; Phường Hội Hợp, thành phố Vinh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc	7.889,1	Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm	Đất cơ sở sản xuất, kinh doanh	10/03/2060	Giấy chứng nhận QSD đất số BI 680469 ngày 6/11/2013 do UBND tỉnh Vĩnh Phúc cấp
5	Thửa đất số 775, tờ bản đồ số 29; Phường Khai Quang, thành phố Vinh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc	1.380,5	Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm	Đất cơ sở sản xuất, kinh doanh	10/03/2060	Giấy chứng nhận QSD đất số BI 680473 ngày 6/11/2013 do UBND tỉnh Vĩnh Phúc cấp

Công ty còn phần diện tích đất làm vườn ươm cây tại Xã Định Trung – Vinh Yên với tổng diện tích đất theo Quyết định thu hồi, giải phóng mặt bằng: 97.502,3m², trong đó: tổng diện tích đất đã thực hiện đền bù: 78.818 m², tổng diện tích đất còn lại chưa đền bù được: 18.687,3 m². Do dự án này chưa hoàn thành việc đền bù giải phóng mặt bằng nên chưa có các thủ tục thu hồi và bàn giao quyền sử dụng đất cho Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

31. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

31.2 BÊN LIÊN QUAN

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Thu nhập của Hội đồng Quản trị và ban Tổng Giám đốc		
Tiền lương, thưởng	1.188.244.035	582.143.000

31.3 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2016 của Công ty đã được kiểm toán.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Vinh phúc, ngày 21 tháng 03 năm 2018

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Đào Phương Liễu

Ngô Văn Thức

Ngô Văn Hùng